

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Ngọc Trâm**;

2/ Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 747/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 2 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Minh C (tự là L)**, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi hộ khẩu thường trú: Ô2, số a, ấp A, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cầy (ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Thanh V**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số b ấp L, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2019 của nguyên đơn – chị Lê Thị N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N trình bày:

Chị và anh Đoàn Minh C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân

dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh C đánh chị gây ra thương tích rất nhiều lần cho nên chị N, anh C sống chung không hạnh phúc và cũng không còn sống chung vợ chồng từ năm 2009 đến nay. Anh C đang chấp hành án tù chung thân tại Trại giam Cây Cày. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn chị N yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con chung Đoàn Thị Thu H, sinh ngày 05/4/2003. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N thống nhất với lời khai của anh C là có tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, chị và anh C tự thỏa thuận giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn – anh Đoàn Minh C (tự là L) trình bày, thể hiện như sau:

Anh và chị Lê Thị N chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn, nhưng do anh đi làm xa ở Cà Tum (huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh) nên vợ chồng ít khi gặp nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn, anh có tình cảm với người khác nên cuộc sống vợ chồng anh không còn hạnh phúc; vợ chồng tháng nào cũng gặp, anh gởi tiền cho vợ nuôi con. Anh C đồng ý ly hôn, do hiện nay anh đang chấp hành án tù chung thân về tội “Giết người” nên muốn trả tự do cho vợ anh.

Về con chung: Có 01 người con chung Đoàn Thị Thu H, sinh ngày 05/4/2003. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị N nuôi, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Có 01 phần đất diện tích ngang 26m x dài 40m tọa lạc ấp A, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nguồn gốc đất do mẹ ruột anh cho, vợ chồng anh cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phần đất này vợ chồng đã thế chấp cho ông Phạm Văn V ở ấp A, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh để vay tiền của ông V với số tiền là 62.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 năm, hai bên có làm giấy tay thỏa thuận, trả tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước, hiện nay chưa trả. Có 01 căn nhà trên đất này là do cha mẹ anh để lại, nhà đất này hiện hay do mẹ anh là bà Trương Thị L đang quản lý, sử dụng, ngoài ra không còn tài sản chung và nợ chung nào khác.

Khi ly hôn, anh để lại phần đất này cho con anh là Đoàn Thị Thu H, nay anh không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản này; nợ ông V số tiền 62.000.000 đồng vợ chồng vay là để làm vốn mua bán đến nay vẫn chưa trả, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ này.

Ông Phạm Thanh V là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án, Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tổng đạt hợp lệ cho ông Vàng phải đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện này nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đoàn Minh C và giao cho chị N trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc ly hôn của chị; anh Đoàn Minh Chí có địa chỉ: số nhà Ô2, số b, ấp A, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cầy (ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh) là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đoàn Minh C là bị đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Phạm Thanh V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, ông V.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Lê Thị N và anh Đoàn Minh C tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2002, đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn nhưng anh C có đơn đề nghị vắng mặt phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nên không thể xem xét thuận tình ly hôn, chỉ xem xét yêu cầu của chị N là có cơ sở, được quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đoàn Thị Thu H, sinh ngày 05/4/2003; ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị N, anh C đều trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị N, anh C trình bày hiện có nợ ông Phạm Thanh V số tiền 62.000.000 đồng, anh chị không yêu cầu giải quyết. Riêng ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nên sẽ được tách ra giải quyết trong vụ kiện khác.

3] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51,56, 81, 82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N được ly hôn với anh Đoàn Minh C, giữa chị N và anh C không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau.

- Về con chung: Giao cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đoàn Thị Thu H, sinh ngày 05/4/2003; ghi nhận chị N không yêu cầu anh Chí cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012640 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp xong án phí.

Báo cho chị N biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C, ông V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).

(đã ký)

DƯƠNG MỸ HUYỀN